

Bản án số: 237/2025/DS-PT

Ngày: 08 - 4 - 2025

V/v tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất
và tài sản gắn liền với đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp: "Đòi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 198/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 741/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Ấp Long Bình B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà **Lê Thị Hồng T**, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: 2 tổ H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 15/8/2024).

2. **Bị đơn:** Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm: 1950;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông **Lý Thanh Đ**, sinh năm: 1977;

3.2. Bà **Lý Thị N**, sinh năm: 1985;

3.3. Bà **Trần Thị Mộng H1**, sinh năm: 1982;

3.4. Chị **Lý Gia H2**, sinh năm: 2003;

3.5. Em **Lý Hoàng Ân**, sinh năm: 2010;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật của em Ân: Bà **Trần Thị Mộng H1**, sinh năm: 1982 và ông Lý Thanh Đ, sinh năm: 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo: Bị đơn – bà **Đỗ Thị H**.*

(Có mặt chị T, bà H. Vắng anh Đ, chị N, chị H1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc P có đại diện theo uỷ quyền là chị Lê Thị Hồng T trình bày:*

Ông Nguyễn Ngọc P là chủ sử dụng thửa đất số 3319, tờ bản đồ số 2, diện tích 248,9m², đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 3316, tờ bản đồ số 02, diện tích 192,3m², đất ở tại nông thôn cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trên đất có căn nhà cấp IV, diện tích xây dựng 176,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 423524 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 423521 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Lê Thị P1 ngày 08/4/2015, bà Lê Thị P1 chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị H ngày 31/7/2015, bà H chuyển nhượng cho ông P ngày 23/7/2016 theo hồ sơ số 000593.CN.003 và hồ sơ số 000592.CN.003.

Nguồn gốc hai thửa đất trên là do ông Nguyễn Ngọc P nhận chuyển nhượng của bà Đỗ Thị H theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25/3/2016, được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2376, quyển số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD và theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/3/2016, được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2377, quyển số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngay sau khi ký hợp đồng, bà H và bà H1 (con dâu bà H) đã nhận của ông P 300.000.000 đồng, có ký biên nhận nhận tiền cùng ngày.

Để tạo điều kiện cho bà H tìm chỗ ở mới, giữa ông P và bà H có ký văn bản thoả thuận ngày 17/5/2016, được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 3986, quyển số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung ông P tự nguyện cho bà H được ở lại trên nhà, đất trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn thì bà H phải bàn giao nhà, đất cho ông P mà không được yêu cầu bất kỳ điều kiện gì.

Sau khi hết thời hạn theo thoả thuận, bà H vẫn không bàn giao nhà, đất cho ông P, nên ông P khởi kiện bà H về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Toà án nhân dân huyện C đã đưa vụ án ra xét xử và ban hành

bản án số 258/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P. Bà H kháng cáo bản án và tại phiên toà phúc thẩm nhận thấy quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi nhà đất, không phải là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên đại diện theo uỷ quyền của ông P rút lại yêu cầu khởi kiện, bà H rút yêu cầu kháng cáo và Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay ông P khởi kiện lại vụ án, yêu cầu bà H và các thành viên trong gia đình phải di dời để trả lại nhà, đất cho ông P gồm:

+ Thửa đất số 3319, tờ bản đồ số 2, diện tích 248,9m², đất trồng cây lâu năm;

+Thửa đất số 3316, tờ bản đồ số 02, diện tích 192,3m², đất ở tại nông thôn và căn nhà cấp IV gắn liền với đất có diện tích 176,7m².

Cả hai thửa đất cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Bị đơn, bà Đỗ Thị H trình bày:*

Vào năm 2016, bà có vay của ông Nguyễn Ngọc P 300.000.000 đồng để làm vốn buôn bán trái cây, thoả thuận tiền lãi 12.000.000 đồng/tháng, không làm biên nhận vay tiền, bà có trả được 10.000.000 đồng thì ngưng do làm ăn thua lỗ.

Về hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất đối với 02 thửa đất và căn nhà, bà thừa nhận có ra Văn phòng công chứng ký tên vào nhiều giấy tờ nhưng không đọc lại, không biết giấy tờ gì.

Nay, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P. Trường hợp ông P cho bà mua lại nhà, đất thì bà đồng ý với mức giá 800.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lý Thị N trình bày:*

Bà thống nhất với ý kiến của bà H.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 198/2024/DS-ST ngày 30-9-2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 37/2024/QĐ-SCBSBA ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang căn cứ vào: Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 5 Điều 166, Điều 170 Luật đất đai 2013.

Xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc P.

Buộc bà Đỗ Thị H, ông Lý Thanh Đ, bà Trần Thị Mộng H1, bà Lý Thị N và chị Lý Gia H2 trả lại cho ông Nguyễn Ngọc P 248,9m² đất thuộc thửa số 3319 (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc), tờ bản đồ số 2, đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 423524 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/4/2015 cho bà Lê Thị P1, bà P1 chuyển nhượng lại cho bà Đỗ Thị H ngày 31/7/2015 theo hồ sơ số 002959.CN, bà H chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn

Ngọc P ngày 23/7/2016 theo hồ sơ số 000593.CN.003 (Có tứ cận và sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Đỗ Thị H, ông Lý Thanh Đ, bà Trần Thị Mộng H1, bà Lý Thị N và chị Lý Gia H2 trả lại cho ông Nguyễn Ngọc P 192,3m² đất và căn nhà cấp IV trên đất có diện tích xây dựng 176,7m² (theo như phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, sơ đồ thửa đất và tài sản gắn liền với đất), đất thuộc thửa số 3316, tờ bản đồ số 02, đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 423521 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/4/2015 cho bà Lê Thị P1, bà P1 chuyển nhượng lại cho bà Đỗ Thị H ngày 31/7/2015 theo hồ sơ số 002958.CN, bà H chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc P ngày 23/7/2016 theo hồ sơ số 000592.CN.003 (Có tứ cận và sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Ngọc P hoàn lại giá trị tài sản trên đất bao gồm nhà phụ, mái che, hàng rào và cây trồng cho bà Đỗ Thị H với số tiền là 64.070.395 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc P hỗ trợ chi phí di dời cho bà Đỗ Thị H với số tiền là 35.929.605 đồng.

Giao ông Nguyễn Ngọc P quản lý, sử dụng căn nhà phụ có diện tích 43,2m² (10,8 m x 4 m), kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách tường không tô, nền xi măng, mái tole xi măng; mái che có diện tích 33,57m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, không vách, nền xi măng, mái tole; hàng rào có diện tích 30,6m² (17 m x 1,8 m), kết cấu trụ bê tông đúc sẵn, tường xây D 10 cm không tô > 0,5 m; cây trồng gồm 01 bụi tre và 03 bụi chuối nằm trên phần đất tranh chấp thửa số 3319, tờ bản đồ số 2, đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Việc hoàn lại giá trị tài sản trên đất, hỗ trợ chi phí di dời và trả nhà đất được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, bà Đỗ Thị H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà Đỗ Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị Lê Thị Hồng T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị H. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị H còn trong thời hạn quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chung hộ bà H gồm ông Lý Thanh Đ, bà Lý Thị N, bà Trần Thị Mộng H1, bà Lý Gia H2, em Lý Hoàng Á đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Nguồn gốc 02 thửa đất và căn nhà tranh chấp là của bà Đỗ Thị H nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị P1, sau đó bà H chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc P theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 25/3/2016, được công chứng tại Văn phòng C. Ông P đã được công nhận quyền sử dụng đất tại trang 4 của các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà 2o73 và tài sản khác gắn liền với đất số: BY 423524, số vào sổ cấp GCN: CH 02483 ngày 08 tháng 4 năm 2015 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Lê Thị P1, chỉnh lý tại trang 4: Ngày 23/7/2016 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc P theo hồ sơ số 000593.CN.003.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà 2o73 và tài sản khác gắn liền với đất số: BY 423521, số vào sổ cấp GCN: CH 02486 ngày 08 tháng 4 năm 2015 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Lê Thị P1, chỉnh lý tại trang 4: Ngày 23/7/2016 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc P theo hồ sơ số 000592.CN.003.

Ông P cho rằng sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng với bà H, để tạo điều kiện cho bà H tìm chỗ ở mới nên giữa ông P và bà H có ký văn bản thoả thuận ngày 17/5/2016, được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 3986, quyền số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung ông P tự nguyện cho bà H được ở lại trên nhà, đất trong thời hạn sáu tháng tính từ ngày ký văn bản thoả thuận này, hết thời hạn thì bà H phải bàn giao nhà đất cho ông P quản lý, sử dụng mà không được yêu cầu bất kỳ điều kiện gì. Sau khi hết thời hạn theo thoả thuận, bà H vẫn không bàn giao nhà đất cho ông P dù ông P đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà H bàn giao nhà, đất.

Bà H cho rằng không có chuyển nhượng nhà đất mà chỉ vay 300.000.000 đồng của ông P nhưng bà không có làm biên nhận vay tiền. Bà thừa nhận có ra Văn phòng công chứng ký tên vào nhiều giấy tờ nhưng không đọc lại, không biết giấy tờ gì. Tuy nhiên, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và

tài sản gắn liền với đất ngày 25/3/2016, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/3/2016, được công chứng tại Văn phòng C, biên nhận nhận tiền bán nhà và bán đất ngày 25/3/2016, văn bản thoả thuận ngày 17/5/2016, được công chứng tại Văn phòng C thể hiện bà H có chuyển nhượng hai thửa đất số 3316, 3319 và căn nhà trên đất cho ông P. Do đó, lời trình bày của bà H về việc vay tiền của ông P là không có cơ sở.

Do bà H và các thành viên trong gia đình ở trên hai thửa đất và căn nhà thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông P nên yêu cầu khởi kiện của ông P buộc họ phải di dời để trả nhà, đất cho ông P là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản trên phần đất tranh chấp gồm có nhà phụ, mái che, hàng rào và cây trồng. Ông P đồng ý hoàn lại giá trị tài sản trên đất cho bà H theo biên bản định giá của Toà án với số tiền là 64.070.395 đồng. Toà án cấp sơ thẩm nhận định: theo Bản án số 258/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 của Toà án nhân dân huyện C thì bà H trình bày nhà phụ là của con gái bà tên Lý Thị N xây dựng. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, bà H không có chứng cứ chứng minh, đồng thời bà N cũng vắng mặt nên không có cơ sở xác định nhà phụ là của bà N. Nhà phụ có diện tích $10,8 \times 4 = 43,2\text{m}^2$, kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách tường không tô, nền xi măng, mái tole xi măng; mái che có diện tích $33,57\text{m}^2$, kết cấu cột bê tông đúc sẵn, không vách, nền xi măng, mái tole; hàng rào có diện tích $30,6\text{m}^2$, kết cấu trụ bê tông đúc sẵn, tường xây D 10 cm không tô > 0,5 m; cây trồng gồm 01 bụi tre và 03 bụi chuối là tài sản kiên cố không thể di dời hoặc di dời có thể làm giảm giá trị tài sản, đồng thời nguyên đơn cũng đồng ý hoàn lại 64.070.395 đồng giá trị tài sản trên đất cho bà H theo biên bản định giá của Toà án, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận ông P tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà H là 35.929.605 đồng.

Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào những chứng cứ nêu trên tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là phù hợp pháp luật.

Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Cho nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 198/2024/DS-ST ngày 30-9-2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc P.

Buộc bà Đỗ Thị H, ông Lý Thanh Đ, bà Trần Thị Mộng H1, bà Lý Thị N và chị Lý Gia H2 trả lại cho ông Nguyễn Ngọc P 248,9m² đất thuộc thửa số 3319 (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc), tờ bản đồ số 2, đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 423524 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/4/2015 cho bà Lê Thị P1, bà P1 chuyển nhượng lại cho bà Đỗ Thị H ngày 31/7/2015 theo hồ sơ số 002959.CN, bà H chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc P ngày 23/7/2016 theo hồ sơ số 000593.CN.003. Phần đất có tứ cận như sau:

- Đông giáp thửa đất số 3318.
- Tây giáp thửa đất số 2928.
- Nam giáp đường bê tông.
- Bắc giáp Khu công nghiệp T.

(Có sơ đồ kèm theo).

1.2. Buộc bà Đỗ Thị H, ông Lý Thanh Đ, bà Trần Thị Mộng H1, bà Lý Thị N và chị Lý Gia H2 trả lại cho ông Nguyễn Ngọc P 192,3m² đất và căn nhà cấp IV trên đất có diện tích xây dựng 176,7m² (theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, sơ đồ thửa đất và tài sản gắn liền với đất), đất thuộc thửa số 3316, tờ bản đồ số 02, đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 423521 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/4/2015 cho bà Lê Thị P1, bà P1 chuyển nhượng lại cho bà Đỗ Thị H ngày 31/7/2015 theo hồ sơ số 002958.CN, bà H chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc P ngày 23/7/2016 theo hồ sơ số 000592.CN.003. Phần đất có tứ cận như sau:

- Đông giáp thửa đất số 3319.
- Tây giáp thửa đất số 3319.
- Nam giáp thửa đất số 3319.
- Bắc giáp thửa đất số 3319.

(Có sơ đồ kèm theo).

1.3. Ông Nguyễn Ngọc P phải hoàn lại giá trị tài sản trên đất bao gồm nhà phụ, mái che, hàng rào và cây trồng cho bà Đỗ Thị H với số tiền là 64.070.395 đồng (Sáu mươi bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng).

1.4. Ông Nguyễn Ngọc P tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà Đỗ Thị H với số tiền là 35.929.605 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày bà Đỗ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Ngọc P chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.5. Giao ông Nguyễn Ngọc P sở hữu, sử dụng căn nhà phụ có diện tích 43,2m² (10,8 m x 4 m), kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách tường không tô, nền xi măng, mái tole xi măng; mái che có diện tích 33,57m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, không vách, nền xi măng, mái tole; hàng rào có diện tích 30,6m² (17 m x 1,8 m), kết cấu trụ bê tông đúc sẵn, tường xây D 10 cm không tô > 0,5 m; cây trồng gồm 01 bụi tre và 03 bụi chuối nằm trên phần đất tranh chấp thửa số 3319, tờ bản đồ số 2, đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Về án phí:

Ông Lý Thanh Đ, bà Trần Thị Mộng H1, bà Lý Thị N và chị Lý Gia H2 phải liên đới chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc P phải chịu 3.023.519 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi ba nghìn năm trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản trên đất phải hoàn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004009 ngày 28/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên ông P phải nộp tiếp 2.723.519 đồng.

Bà Đỗ Thị H được miễn toàn bộ án phí.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lưu Thị Thu Thủy